

Số: 978/QĐ-UBND

Mỹ Phước, ngày 17 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp
Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Khoa học công nghệ về việc công bố mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo xây dựng, thực hiện, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước (*Ban chỉ đạo ISO 9001:2015*),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Công chức Văn phòng thống kê, Ban chỉ đạo ISO 9001:2015, các Công chức chuyên môn, các ngành, đoàn thể liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 665/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của Chủ tịch UBND phường Mỹ Phước và có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBND thị xã;
- Phòng Kinh tế thị xã;
- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh;
- TT Đảng ủy, HĐND;
- UBMTTQ VN và các đoàn thể;
- Ban Chỉ đạo ISO 9001:2015;
- Công TTĐT phường;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Phong

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MỸ PHƯỚC

HỆ THỐNG



**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân phường
Mỹ Phước phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với
thủ tục hành chính được chuẩn hóa và công bố trên địa bàn
tỉnh Bình Dương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 17/12/2019 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước)*

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Mỹ Phước, Ngày 17 tháng 12 năm 2019



Nguyễn Thanh Phong



PHỤ LỤC

Các lĩnh vực hoạt động của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước được công bố phù hợp

theo tiêu chuẩn nhân quốc gia TCVN ISO 9001:2015

theo Quyết định số : 978 /QĐ-UBND
ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Mỹ Phước)

STT	LĨNH VỰC	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ
I.	Lĩnh vực Tôn giáo	10	Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 13/6/201
1.	1	Thủ tục Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	
2.	2	Thủ tục Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	
3.	3	Thủ tục Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	
4.	4	Thủ tục Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	
5.	5	Thủ tục Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	
6.	6	Thủ tục Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
7.	7	Thủ tục Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	
8.	8	Thủ tục Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	
9.	9	Thủ tục Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
10.	10	Thủ tục Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	
II.	Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng	5	Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 13/6/2018
11.	1	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	
12.	2	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề	
13.	3	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	
14.	4	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa	
15.	5	Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	
III.	Lĩnh vực Công tác lãnh sự	1	Quyết định số 1596/QĐ-
16.	1	Thủ tục cấp Giấy phép nhập cảnh thi hài, hài cốt,	



		tro cột về Việt Nam		UBND ngày 14/6/2018
IV.		Lĩnh vực Tiếp công dân	1	Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/5/2018
17.	1	Tiếp công dân tại cấp xã		
V.		Lĩnh vực Xử lý đơn	1	Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/5/2018
18.	1	Xử lý đơn tại cấp xã		
VI.		Lĩnh vực Giải quyết khiếu nại	1	Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/5/2018
19.	1	Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã		
VII.		Lĩnh vực Giải quyết tố cáo	1	Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/5/2018
20.	1	Giải quyết tố cáo tại cấp xã		
VIII.		Lĩnh vực Phòng chống tham nhũng	4	Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 28/5/2018
21.	1	Thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập		
22.	2	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập		
23.	3	Tiếp nhận yêu cầu giải trình		
24.	4	Thực hiện việc giải trình		
IX.		Lĩnh vực Chứng thực	11	Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 17/9/2019
25.	1	Cấp bản sao từ sổ gốc		
26.	2	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận		
27.	3	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)		
28.	4	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở		
29.	5	Thủ tục chứng thực di chúc		
30.	6	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản		
31.	7	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
32.	8	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		



33.	9	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch		
34.	10	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch		
35.	11	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực		
X.		Lĩnh vực Hộ tịch	19	Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 17/9/2019
36.	1	Đăng ký khai sinh		
37.	2	Đăng ký kết hôn		
38.	3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con		
39.	4	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con		
40.	5	Đăng ký khai tử		
41.	6	Đăng ký khai sinh lưu động		
42.	7	Đăng ký kết hôn lưu động		
43.	8	Đăng ký khai tử lưu động		
44.	9	Đăng ký giám hộ		
45.	10	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ		
46.	11	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch		
47.	12	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		
48.	13	Đăng ký lại khai sinh		
49.	14	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		
50.	15	Đăng ký lại kết hôn		
51.	16	Đăng ký lại khai tử		
52.	17	Cấp bản sao trích lục hộ tịch		
53.	18	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi		
54.	19	Liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi		
XI.		Lĩnh vực Nuôi con nuôi	2	Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 17/9/2019
55.	1	Đăng ký nuôi con nuôi trong nước		
56.	2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước		
XII.		Lĩnh vực Bồi thường nhà nước	1	Quyết định số 2687/QĐ-UBND ngày 17/9/2019
57.	1	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại		
XIII.		Lĩnh vực Hòa giải cơ sở	7	Quyết định số 2687/QĐ-
58.	1	Thủ tục bầu hòa giải viên (cấp xã)		

59.	2	Thủ tục bầu tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)		UBND ngày 17/9/2019
60.	3	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)		
61.	4	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên		
62.	5	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải		
63.	6	Thủ tục công nhận hòa giải viên		
64.	7	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải		
XIV.		Lĩnh vực Hòa giải cơ sở	2	
65.	1	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật		
66.	2	Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp luật		
XV.		Lĩnh vực Hành chính tư pháp	3	Quyết định số 826/QĐ-UBND ngày 9/4/2019
67.	1	Liên thông các thủ tục hành chính: đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí		
68.	2	Liên thông các thủ tục hành chính: đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú		
69.	3	Liên thông các thủ tục hành chính: đăng ký khai tử, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí		
XVI.		Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội	3	Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 24/5/2018; Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 15/5/2019
70.	1	Thủ tục quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình		
71.	2	Thủ tục quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng		
72.	3	Thủ tục Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân		
XVII.		Lĩnh vực Người có công	2	Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 24/5/2018
73.	1	Thủ tục xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ		
74.	2	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi		
XVIII.		Lĩnh vực Hộ tịch	8	Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 24/5/2018
75.	1	Thủ tục xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật		
76.	2	Thủ tục đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật		
77.	3	Thủ tục Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở		
78.	4	Thủ tục Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi		



		phí mai táng		
79.	5	Thủ tục Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em		
80.	6	Thủ tục đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em		
81.	7	Thủ tục xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn năm 2016-2020 thuộc diện đối tượng ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế		
82.	8	Thủ tục đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn		
XIX.		Lĩnh vực Giảm nghèo	2	Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 24/5/2018
83.	1	Thủ tục công nhận hộ nghèo, hộ thoát nghèo phát sinh trong năm		
84.	2	Thủ tục công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm		
XX.		Lĩnh vực Trẻ em	6	Quyết định số 1334/QĐ-UBND ngày 24/5/2018
85.	1	Thủ tục áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em		
86.	2	Thủ tục chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em		
87.	3	Thủ tục phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		
88.	4	Thủ tục đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em		
89.	5	Thủ tục thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em		
90.	6	Thủ tục chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế		
XXI.		Lĩnh vực Bảo vệ thực vật	1	Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 28/5/2018;
91.	1	Thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa		



CHỖ ĐÓNG CHỮ

		kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất lúa		Quyết định số 1921/QĐ-UBND ngày 03/7/2019;
XXII.		Lĩnh vực Nhà ở	2	Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 19/3/2019
92.	1	Cấp mới số nhà đối với hình thức đơn lẻ		
93.	2	Cấp đổi, điều chỉnh số nhà		
XXIII.		Lĩnh vực Đất đai	1	Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 02/7/2018
94.	1	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai		
XXIV.		Lĩnh vực Môi trường	4	Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 02/7/2018
95.	1	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản		
96.	2	Tham vấn ý kiến về đề án bảo vệ môi trường chi tiết		
97.	3	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường		
98.	4	Tham vấn báo cáo đánh giá tác động môi trường		
XXV.		Lĩnh vực Tài nguyên nước	1	Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 02/7/2018
99.	1	Đăng ký khai thác nước dưới đất		
XXVI.		Lĩnh vực Kháng sản	1	Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 02/7/2018
100.	1	Đăng ký thi công cải tạo mặt bằng trong diện tích đất ở được giao		
XXVII.		Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo	5	Quyết định số 2686/QĐ-UBND ngày 17/9/2019
101.	1	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học		
102.	2	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập		
103.	3	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại		
104.	4	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập		
105.	5	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)		
XXVIII.		Lĩnh vực Văn hóa cơ sở	3	Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 04/5/2019
106.	1	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội		
107.	2	Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm		
108.	3	Thủ tục xét tặng Giấy khen Gia đình văn hóa		



XXIX.		Lĩnh vực Thư viện	1	Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 04/5/2019
109.	1	Thủ tục đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản		
XXX.		Lĩnh vực Thể dục thể thao	1	Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 04/5/2019
110.	1	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở		
XXXI.		Lĩnh vực Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	1	Quyết định số 1723/QĐ-UBND ngày 18/6/2019
111.	1	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số		
XXXII.		Lĩnh vực Quản lý giao thông	11	Quyết định số 1207/QĐ-UBND ngày 10/5/2018
112.	1	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút đầu nối tạm thời có thời hạn vào đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).		
113.	2	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý) đang khai thác		
114.	3	Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý)		
115.	4	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).		
116.	5	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).		
117.	6	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của đường huyện, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).		
118.	7	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).		
119.	8	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản lý).		
120.	9	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên đường xã, đường đô thị (do UBND cấp xã quản		



		lý).		
121.	10	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND cấp xã khai thác.		
122.	11	Xác nhận tình trạng báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung		
XXXIII.		Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng	3	
123.	1	Cấp Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại		Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 13/6/2018
124.	2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại		
125.	3	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại do hết thời hạn hiệu lực		
XXXIV.		Lĩnh vực Dân tộc	2	
126.	1	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số		Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 08/1/2019
127.	2	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số		
XXXV.		Lĩnh vực Thủy Lợi	1	
128.	1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác)		
TỔNG			128	

